



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 29



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần hai vào ngày 24 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu; lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải, dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Lê Thị Mỹ Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Ông Kiều Nam Thành	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Ông Ngô Anh	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Ông Kiều Nam Thành	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Ông Trần Văn Phương	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Ông Phạm Thái Bình	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 02 tháng 2 năm 2016
Bà Chu Thị Tuyết Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016

34489
CÔNG T
NHÌEM
IỂM TO
VIỆT
- TP. HỒ

M.S.D.N.
QUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Kiều Nam Thành	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 13 tháng 05 năm 2016
Ông Trần Văn Phương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 13 tháng 05 năm 2016
Ông Đặng Nguyễn Nguyên Huân	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 13 tháng 05 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên	Tái bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 22 tháng 04 năm 2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Chức vụ	Bổ nhiệm
Ông Kiều Nam Thành	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 13 tháng 05 năm 2016

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Bà LÊ THỊ MỸ HẠNH

Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017



Số: 058/2017/BCKT-HCM.00342

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ Phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Bến Xe Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.615.626.031	164.531.399.389
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.961.274.042	35.397.973.902
Tiền	111		12.961.274.042	6.397.973.902
Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	29.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		153.000.000.000	90.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	153.000.000.000	90.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.407.943.137	37.445.451.990
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.806.864.456	5.000.034.539
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	500.159.047	1.206.606.100
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	30.000.000.000	30.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.100.919.634	1.238.811.351
Hàng tồn kho	140	5.7	45.394.800	101.198.400
Hàng tồn kho	141		45.394.800	101.198.400
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.201.014.052	1.586.775.097
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	230.065.189	191.346.500
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.970.948.863	1.395.428.597
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.324.381.265	30.705.404.862
Tài sản cố định	220		16.392.309.441	18.736.550.848
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	16.392.309.441	18.736.550.848
Nguyên giá	222		57.498.831.582	55.806.530.545
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.106.522.141)	(37.069.979.697)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
Nguyên giá	228		2.701.189.390	2.701.189.390
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.701.189.390)	(2.701.189.390)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.911.295.324	92.621.610
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	1.911.295.324	92.621.610
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	-	11.876.232.404
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	11.876.232.404
Tài sản dài hạn khác	260		20.776.500	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	20.776.500	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		234.940.007.296	195.236.804.251

N:030
 C
 TRÁCH
 KI
 AFC

THH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		38.995.752.160	40.234.751.148
Nợ ngắn hạn	310		35.429.051.963	36.883.166.749
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	316.400.558	334.709.025
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.030.173	2.364.429
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	4.247.068.734	4.565.097.407
Phải trả người lao động	314		16.388.143.160	18.257.791.447
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	49.628.330	63.193.775
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	7.437.295.450	9.997.341.350
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	6.989.485.558	3.662.669.316
Nợ dài hạn	330		3.566.700.197	3.351.584.399
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	2.966.700.197	2.951.584.399
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	5.18	600.000.000	400.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		195.944.255.136	155.002.053.103
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	195.944.255.136	155.002.053.103
Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		60.812.312.687	49.617.622.280
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		110.131.942.449	80.384.430.823
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	421a		80.384.430.823	56.154.390.068
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		29.747.511.626	24.230.040.755
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234.940.007.296	195.236.804.251



VÕ THỊ BẢY
Người lập



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



KIỀU NAM THÀNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

14489
ÔNG T
NHIỆM H
EM TO
VIỆT
TP. HC

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		119.245.909.414	108.179.657.009
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	119.245.909.414	108.179.657.009
Giá vốn hàng bán	11	6.2	49.801.353.851	45.562.384.008
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.444.555.563	62.617.273.001
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.777.789.803	6.619.989.520
Chi phí tài chính	22	6.4	88.160.000	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.528.108.404	9.906.985.854
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		67.606.076.962	59.330.276.667
Thu nhập khác	31	6.6	2.618.006.941	2.478.032.376
Chi phí khác	32		-	8.138.487
Lợi nhuận khác	40		2.618.006.941	2.469.893.889
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.224.083.903	61.800.170.556
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	14.250.631.870	13.523.852.801
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.973.452.033	48.276.317.755
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		18.377	16.762

Võ Thị Bày

VÕ THỊ BÀY
Người lập

Nguyễn Văn Thành

NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



KIỀU NAM THÀNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	70.224.083.903	61.800.170.556
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.036.542.444	6.662.091.867
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.689.629.803)	(6.619.989.520)
Các khoản điều chỉnh khác	07	200.000.000	200.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	64.770.996.544	62.042.272.903
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	450.368.587	(2.998.362.987)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	55.803.600	(40.154.400)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(4.684.920.459)	(63.900.119)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(59.495.189)	(181.941.500)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.553.653.625)	(12.279.745.117)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.620.000	15.175.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.840.128.790)	(3.384.386.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	41.150.590.668	43.108.957.456
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.741.312.735)	(959.455.240)
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(257.000.000.000)	(98.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	194.000.000.000	77.500.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	11.876.232.404	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.777.789.803	6.649.749.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(44.087.290.528)	(14.809.705.720)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.500.000.000)	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.500.000.000)	(10.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	(10.436.699.860)	18.299.251.736
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	35.397.973.902	17.098.722.166
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	24.961.274.042	35.397.973.902



VÕ THỊ BÀY
Người lập



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng




KIỀU NAM THÀNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bến Xe Miền Tây (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301121128 đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 05 năm 2006 và được thay đổi lần hai vào ngày 24 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp nhận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) theo các nội dung sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: WCS
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 2.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 25.000.000.000 VND

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Khai thác và kinh doanh bến xe;
- Vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa;
- Khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe;
- Cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa;
- Giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói;
- Mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu;
- Lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải;
- Dịch vụ giữ xe hai bánh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, hoạt động chính của Công ty là khai thác và kinh doanh bến xe; vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa; khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe; cho thuê mặt bằng và ki ốt, bãi đậu xe vận tải hàng hóa; giữ và chuyển hàng hóa hành lý bao gói; mua bán phụ tùng vật tư ô tô, xăng dầu; lau rửa, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô; dịch vụ vui chơi giải trí, cho thuê nghỉ trọ; dịch vụ bốc xếp hàng hóa và lưu đậu qua đêm của phương tiện vận tải; dịch vụ giữ xe hai bánh; kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

044899
ÔNG T
NHIỆM H
M T
VIỆT N
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty liên kết Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (không còn là bên liên quan từ ngày 14/09/2016 theo Nghị quyết của HĐQT số 51/2016/NQ-HĐQT)	54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh.	26%	26%	26%

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 172 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 175 người).

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, thông tư này và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định hữu hình. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 10
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị văn phòng	03 - 05

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới tên thương mại của doanh nghiệp

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

0044
CÔNG
CH NHIỆ
KIỂM
C VIỆ
- TP.1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

4.10 Quỹ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi phí thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của cổ đông.

3995
3 TY
M HỮU
TOÁN
T NA
HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.13 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương căn bản vào chi phí là 2%.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.15 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Trong năm tài chính 2016, Công ty tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20%. Theo quy định hiện hành, các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

4.17 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.19 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba:

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải KUMHO SAMCO BUSLINES	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty CP Công Trình Giao Thông Q.8	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn (được đổi tên từ Công ty TNHH MTV Xe Khách Sài Gòn)	Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty CP Hòa Phú	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty CP TVXD & GT Mê Kông	Việt Nam	Liên kết của tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Đầu Tư Thái Bình	Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Việt Nam	Công ty liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Công ty (gồm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	722.187.196	489.139.955
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	12.239.086.846	5.908.833.947
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng – VND (*)	12.000.000.000	29.000.000.000
	24.961.274.042	35.397.973.902

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất 4,5%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn				
Ngân hàng Đông Á – Phòng GD BX Miền Tây	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	49.000.000.000	49.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hùng Vương	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	15.000.000.000	15.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	87.000.000.000	87.000.000.000	66.000.000.000	66.000.000.000
	153.000.000.000	153.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng với lãi suất từ 4,5%/năm đến 6,4%/năm.

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	-	-	- 11.876.232.404	-	-	-

Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (không còn là bên liên quan từ ngày 14/09/2016 theo Nghị quyết của HĐQT số 51/2016/NQ-HĐQT).

5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải KUMHO SAMCO BUSLINES	153.252.019	145.354.627
Các tổ chức khác		
Công ty CP Xe Khách Phương Trang FutaBusLines	3.110.007.689	3.765.636.013
Khách hàng khác	543.604.748	1.089.043.899
	3.806.864.456	5.000.034.539

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn TNHH MTV - Xí Nghiệp Ô tô Toyota Bến Thành	50.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP phần mềm Bravo	120.600.000	-
Công ty TNHH MTV Thoát Nước Đô Thị Thành Phố Hồ Chí Minh	103.709.047	1.005.233.000
Công ty TNHH Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng Châu Á Thái Bình Dương (Hiệp Chấn Hưng)	66.000.000	-
Công ty CP Vexere	56.500.000	-
Công ty CP tư vấn và đầu tư Bình Chánh	50.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	53.350.000	201.373.100
	500.159.047	1.206.606.100

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV	30.000.000.000	30.000.000.000

Là số dư của hợp đồng cho vay vốn số 31/HĐVV-SC ngày 04 tháng 05 năm 2016, được chuyển từ số dư nợ vay của Hợp đồng số 33/HĐVV-SC ngày 08 tháng 04 năm 2015. Thời hạn cho vay từ ngày 01 tháng 04 năm 2016 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017. Lãi suất cho vay sẽ thay đổi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan – Lãi cho vay				
Tổng Cty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV	160.270.000	-	160.270.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu thuế TNCN	1.164.149.634	-	787.820.345	-
Phải thu BHXH, BHYT	-	-	1.863.006	-
Tạm ứng nhân viên	776.500.000	-	288.858.000	-
	2.100.919.634	-	1.238.811.351	-

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.142.000	-	100.518.000	-
Hàng hóa	1.252.800	-	680.400	-
	45.394.800	-	101.198.400	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trang thiết bị	54.079.545	191.346.500
Chi phí sửa chữa	175.985.644	-
	230.065.189	191.346.500

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phần mềm diệt virus Kaspersky	20.776.500	-



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Tình hình tăng/giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	49.965.540.166	4.310.318.012	1.009.045.273	521.627.094	55.806.530.545
Mua trong năm	-	58.000.000	-	-	58.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.156.405.179	400.895.858	-	-	1.557.301.037
Tại ngày 31/12/2016	51.121.945.345	4.769.213.870	1.009.045.273	598.627.094	57.498.831.582
Giá trị hao mòn					
Tại ngày 01/01/2016	33.019.050.743	2.667.328.277	1.009.045.273	374.555.404	37.069.979.697
Khấu hao trong năm	3.416.951.722	522.409.424	-	97.181.298	4.036.542.444
Tại ngày 31/12/2016	36.436.002.465	3.189.737.701	1.009.045.273	471.736.702	41.106.522.141
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	16.946.489.423	1.642.989.735	-	147.071.690	18.736.550.848
Tại ngày 31/12/2016	14.685.942.880	1.579.476.169	-	126.890.392	16.392.309.441
Trong đó: - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	27.850.185.659	1.856.076.075	1.009.045.273	220.819.595	30.936.126.602

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	877.402.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.701.189.390
Tại ngày 31/12/2016	877.402.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.701.189.390
Giá trị hao mòn					
Tại ngày 01/01/2016	877.402.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.701.189.390
Tại ngày 31/12/2016	877.402.000	1.425.873.503	284.613.887	113.300.000	2.701.189.390
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	-	-	-	-

34485

CÔNG
NHỊỆM
IỂM T
VIỆT

TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2016	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	77.741.344	1.691.055.441	-	1.768.796.785
Công trình khác	14.880.266	1.684.919.310	1.557.301.037	142.498.539
	92.621.610	3.375.974.751	1.557.301.037	1.911.295.324

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Bên liên quan		
Công Ty CP Công Trình Giao Thông Quận 8	37.737.200	37.737.200
Công Ty CP Hòa Phú	6.953.000	6.392.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Chi nhánh Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Vi La-Nhà hàng Bảy Kỳ Quan	104.624.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên BCA - Thăng Long tại TP.Hồ Chí Minh	62.000.000	62.000.000
Công ty CP Thiết Kế Xây Dựng Đô Thị Mới	40.000.000	40.000.000
Công ty CP Thiết Kế Xây Dựng Thương Mại Song Phương	35.095.100	-
Các nhà cung cấp khác	29.991.258	188.579.825
	316.400.558	334.709.025

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các tổ chức và cá nhân khác	1.030.173	2.364.429



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.15 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Quảng cáo Tương tác	35.082.874	35.314.685
Công ty TNHH SX DV Quảng cáo Minh An	14.545.456	
Công ty TNHH Quảng cáo Minh Phúc	-	14.545.454
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển VN – Chi nhánh Chợ Lớn	-	13.333.636
	49.628.330	63.193.775

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV - Cổ tức phải trả	2.550.000.000	3.825.000.000
Thu hộ tiền bán vé của các DN vận tải		
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	-	9.506.900
Công ty TNHH Vận tải KUMHO SAMCO BUSLINES	21.477.600	42.925.750
Các tổ chức và cá nhân khác		
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.450.000.000	3.675.000.000
Thu hộ tiền bán vé của các DN vận tải		
Công ty CP Xe Khách Phương Trang Futa Bus Lines	1.959.170.000	2.022.860.000
Đối tượng khác	428.339.250	410.532.600
Kinh phí công đoàn	28.308.600	11.516.100
	7.437.295.450	9.997.341.350

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Nhận ký quỹ dài hạn		
Bên liên quan		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	56.720.000	56.720.000
Công ty TNHH Vận tải KUMHO SAMCO BUSLINES	54.450.000	54.450.000
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	-	21.200.000
Các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP Xe Khách Phương Trang FutaBusLines	503.650.000	13.200.000
Đối tượng khác	2.351.880.197	2.806.014.399
	2.966.700.197	2.951.584.399

5.17 Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	01/01/2016 VND	Tăng quỹ VND	Sử dụng quỹ VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng	1.074.552.650	4.511.620.000	(2.078.514.000)	3.507.658.650
Quỹ phúc lợi	1.043.274.666	4.500.000.000	(3.059.297.758)	2.483.976.908
Quỹ thưởng BQL	1.544.842.000	1.031.250.000	(1.578.242.000)	997.850.000
	3.662.669.316	10.042.870.000	(6.716.053.758)	6.989.485.558

144896
ÔNG T
NHIỆM H
EM TỌ
VIỆT I
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	2016 VND
Tại ngày 01/01/2016	400.000.000
Trích lập quỹ	200.000.000
Tại ngày 31/12/2016	600.000.000

5.19 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2015	25.000.000.000	39.962.359.280	56.154.390.068	121.116.749.348
Lãi trong năm	-	-	48.276.317.755	48.276.317.755
Trích lập quỹ				
Quỹ đầu tư phát triển	-	9.655.263.000	(9.655.263.000)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.827.632.000)	(4.827.632.000)
Khen thưởng BDH	-	-	(1.544.842.000)	(1.544.842.000)
Chia cổ tức	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Thù lao của HĐQT, BKS và thư ký Công ty	-	-	(518.540.000)	(518.540.000)
Số dư 31/12/2015	25.000.000.000	49.617.622.280	80.384.430.823	155.002.053.103
Số dư 01/01/2016	25.000.000.000	49.617.622.280	80.384.430.823	155.002.053.103
Lãi trong năm	-	-	55.973.452.033	55.973.452.033
Trích lập quỹ (*)				
Quỹ đầu tư phát triển	-	11.194.690.407	(11.194.690.407)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Quỹ khen thưởng người quản lý chuyên môn	-	-	(531.250.000)	(531.250.000)
Quỹ khen thưởng người quản lý	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chi cổ tức (*)	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư 31/12/2016	25.000.000.000	60.812.312.687	110.131.942.449	195.944.255.136

(*) Căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 22 tháng 04 năm 2016.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông/thành viên	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV	12.750.000.000	51%	12.750.000.000	51%
Công ty CP Đầu Tư Thái Bình	2.505.000.000	10%	2.505.000.000	10%
Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	-	-	2.327.900.000	9%
Các cổ đông khác	9.745.000.000	39%	7.417.100.000	30%
	25.000.000.000	100%	25.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cổ phiếu

	2016	2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu thường</i>	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu thường</i>	2.500.000	2.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu**

	2016	2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	50.734.083	57.729.544
Doanh thu cung cấp dịch vụ	119.195.175.331	108.121.927.465
	119.245.909.414	108.179.657.009

Trong đó, doanh thu bên liên quan:

	2016	2015
	VND	VND
Công ty TNHH Vận Tải KUMHO SAMCO BUSLINES	2.118.903.162	2.037.328.079
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	414.706.819	849.785.461
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	41.121.530	99.808.801
	2.574.731.511	2.986.922.341

6.2 Giá vốn hàng bán

	2016	2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	26.787.600	34.554.600
Giá vốn của dịch vụ	49.774.566.251	45.527.829.408
	49.801.353.851	45.562.384.008

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2016	2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.610.022.207	6.199.989.520
Cổ tức, lợi nhuận được chia	324.000.000	420.000.000
Lãi thoái vốn	843.767.596	-
	9.777.789.803	6.619.989.520

6.4 Chi phí tài chính

Chi phí thoái vốn đầu tư thuộc sở hữu của Công ty CP Bến xe Miền Tây tại Công ty CP Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây theo hợp đồng số 33/2016/HĐ/TV/DAS ngày 06/07/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.511.840.296	7.295.428.100
Chi phí khấu hao	229.140.209	375.840.871
Chi phí điện	720.410.976	716.319.122
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	200.000.000	200.000.000
Chi phí khác	1.866.716.923	1.319.397.761
	11.528.108.404	9.906.985.854

6.6 Thu nhập khác

	2016	2015
	VND	VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	14.009.091
Thu tiền điện nước của doanh nghiệp khác	2.056.376.797	1.670.335.366
Thu nhập khác	561.630.144	793.687.919
	2.618.006.941	2.478.032.376

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.973.452.033	48.276.317.755
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(10.031.250.000)	(6.372.474.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45.942.202.033	41.903.843.755
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18.377	16.762

6.8 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2016	2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	426.221.229	404.940.217
Chi phí nhân viên	46.339.548.847	41.285.382.080
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.036.542.444	6.662.091.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.180.050.721	5.495.323.819
Chi phí bằng tiền khác	2.347.099.014	1.621.631.879
	61.329.462.255	55.469.369.862

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Phải trả người bán	316.400.558	-	316.400.558
Các khoản phải trả khác	2.408.986.850	2.966.700.197	5.375.687.047
	2.725.387.408	2.966.700.197	5.692.087.605

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Phải trả người bán	334.709.025	-	334.709.025
Các khoản phải trả khác	2.485.825.250	2.951.584.399	5.437.409.649
	2.820.534.275	2.951.584.399	5.772.118.674

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng – Tổ chức và cá nhân khác	3.653.612.437	4.854.679.912	3.653.612.437	4.854.679.912
Phải thu khách hàng – Bên liên quan	153.252.019	145.354.627	153.252.019	145.354.627
Phải thu khác	30.160.270.000	30.160.270.000	30.160.270.000	30.160.270.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	153.000.000.000	90.000.000.000	153.000.000.000	90.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.961.274.042	35.397.973.902	24.961.274.042	35.397.973.902
Tổng cộng	211.928.408.498	160.558.278.441	211.928.408.498	160.558.278.441
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán – Tổ chức và cá nhân khác	271.710.358	290.579.825	271.710.358	290.579.825
Phải trả người bán – Bên liên quan	44.690.200	44.129.200	44.690.200	44.129.200
Các khoản phải trả khác	5.375.687.047	5.437.409.649	5.375.687.047	5.437.409.649
Tổng cộng	5.692.087.605	5.772.118.674	5.692.087.605	5.772.118.674

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

04489
CÔNG
CH NHIỆM
KIỂM TỐ
C VIỆT
TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	2016 VND	2015 VND
Thù lao và thưởng Hội Đồng Quản trị	1.399.336.300	1.206.907.000
Lương và thưởng Ban Tổng giám đốc	2.656.250.000	2.055.083.000
	4.055.586.300	3.261.990.000

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2016 VND	2015 VND
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV			
	Lãi cho vay	1.892.220.000	1.887.050.000
	Chi trả cổ tức	3.825.000.000	5.100.000.000
Công ty TNHH Vận tải KUMHO SAMCO BUSLINES			
	Cung cấp dịch vụ	2.118.903.162	2.037.328.079
	Thu hộ tiền bán vé	317.783.000	454.065.000
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây			
	Thu hộ tiền bán vé	49.796.000	256.403.000
	Cung cấp dịch vụ	41.121.530	99.808.801
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn			
	Cung cấp dịch vụ	662.094.095	849.785.461
	Mua dịch vụ	4.047.682.476	236.410.909
Công ty CP Hòa Phú			
	Mua hàng	75.620.000	34.243.636

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các công ty có liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn - TNHH MTV			
	Phải thu cho vay ngắn hạn	30.000.000.000	30.000.000.000
	Phải thu lãi cho vay	160.270.000	160.270.000
	Trả trước người bán	50.000.000	-
	Phải trả cổ tức	(2.550.000.000)	(3.825.000.000)
Công ty TNHH Vận tải KUMHO SAMCO BUSLINES			
	Phải thu thương mại	153.252.019	145.354.627
	Phải trả ngắn hạn khác	(21.477.600)	(42.925.750)
	Phải trả dài hạn khác	(54.450.000)	(54.450.000)
Công ty CP Công Trình Giao Thông Quận 8			
	Phải trả thương mại	(37.737.200)	(37.737.200)
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây			
	Phải trả ngắn hạn khác	-	(9.506.900)
	Phải trả dài hạn khác	-	(21.200.000)

95-C
 TY
 HỮU HẠN
 AN
 NAM
 CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE MIỀN TÂY

395 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Phải trả dài hạn khác	(56.720.000)	(56.720.000)
Công ty CP Hòa Phú	Phải trả thương mại	(6.953.000)	(6.392.000)

8.2 Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là khai thác và kinh doanh bến xe và ở khu vực địa lý duy nhất là Thành phố Hồ Chí Minh.

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



VÕ THỊ BÀY
Người lập



NGUYỄN VĂN THÀNH
Kế toán trưởng



KIỀU NAM THÀNH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2017

